

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HS-ST  
Ngày 25-4-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Lường Văn N, sinh năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn Th Nh, xã Ph L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lường Văn B (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1936; bị cáo có 04 chị ruột, lớn nhất sinh năm 1966, nhỏ nhất sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên là Hoàng Thị T, sinh năm 1977; có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 23/12/2018 cho đến nay, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty TNHH P S G II; trụ sở tại: Số 2A, đường số T, khu công nghiệp S Th 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông B H M; chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Huy Tr, chức vụ: Nhân viên nhân sự (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019), vắng mặt.

**\* Người tham gia tố tụng khác:**

**- Người làm chứng:**

1. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1985; vắng mặt.
2. Ông Đặng Mạnh H, sinh năm 1976; vắng mặt.

3. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1983; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lường Văn N, Bùi Văn D, Đặng Mạnh H, Nguyễn Văn T, Ngô Minh Ch, Đỗ Văn H cùng làm Công ty TNHH P K S G II, quá trình làm việc tại Công ty, N cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 9/2005, không xác định ngày giờ, trong khi đang làm ca đêm tại Công ty TNHH P K S G II, Đặng Minh H, Bùi Văn D vào trong kho vật tư lấy 03 thùng đầu kéo dây khóa số 10 và 03 thùng đầu kéo dây khóa số 8 mang cất giấu vào nhà vệ sinh của công ty. H và D nói cho Nguyễn Văn T biết rồi cùng nhau chia nhỏ 06 thùng đầu kéo dây khóa đem cất giấu ở bộ phận phát hàng. Sau đó, D thông báo cho Đỗ Văn H, Lường Văn N biết và bàn bạc với H, N cất giấu những tài sản trên trong người mang ra ngoài đưa đến phòng trọ của D với giá 300 đồng/đầu kéo dây khóa số 10 và 200 đồng/đầu kéo dây khóa số 8 thì N, H đều đồng ý. Sau khi tan ca, N mang ra ngoài được 5.300 đầu kéo dây khóa số 8 và 2600 đầu kéo dây khóa số 10, còn H mang ra ngoài được 700 đầu kéo dây khóa số 8 và 400 đầu kéo dây khóa số 10. Sau đó N, H sử dụng xe mô tô (không rõ biển số) chở toàn bộ số đầu kéo dây khóa đến phòng trọ giao cho D được D trả tiền công cho H 260.000 đồng, trả tiền công cho N 1.840.000 đồng. D đem bán số đầu kéo trên cho Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 600 đồng/đầu kéo dây khóa số 10 và 400 đồng/đầu kéo dây khóa số 8, tổng cộng số tiền thu được 4.200.000 đồng.

Số tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 459,6 USA, quy đổi thành tiền Việt Nam là 7.300.286,4 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 9/2015, trong lúc làm ca đêm tại Công ty TNHH P K S G II, Bùi Văn D, Ngô Minh Ch đột nhập vào kho vật tư của Công ty lấy 04 thùng carton, mỗi thùng carton đựng 1000 đầu kéo dây khóa số 10 có tổng giá trị 416 USD đưa lên bộ phận phát hàng cất giấu. Ngày hôm sau, D đến công ty thông báo cho Đỗ Văn H, Lường Văn N biết và bàn bạc với H, N mang số đầu kéo dây khóa trên ra khỏi công ty đem về phòng trọ cho D thì H, N đồng ý. N đã mang ra ngoài được 2.500 đầu kéo dây khóa đến phòng trọ giao cho D được D trả 750.000 đồng, còn H mang ra ngoài được 1.500 đầu kéo dây khóa đến phòng trọ giao cho D được D trả 450.000 đồng. Số đầu kéo dây khóa trên D bán cho Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được 2.400.000 đồng, sau khi trừ tiền công trả cho H và N là 1.200.000 đồng, còn lại D và Ch chia nhau mỗi người 600.000 đồng.

Số tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 416 USA, quy đổi thành tiền Việt Nam là 6.607.744 đồng.

Căn cứ vào biên bản Kết luận định giá số 131/BB.ĐG ngày 28/02/2006 của Hội đồng định giá huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An) kết luận: Đầu dây kéo nylon số 8 (hàng mới 100%) đơn giá 0,0246 USD/cái; đầu dây kéo nylon số 10 (hàng mới 100%) đơn giá 0,104 USD/cái. Tổng tài sản có giá trị 13.908.030,4 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận định giá số 131/BB.ĐG ngày 28/02/2006 của Hội đồng định giá huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Ngày 30/5/2006, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D A (nay là thị xã D A) ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lường Văn N do bị can bỏ trốn.

Ngày 23/12/2018, Phòng cảnh sát hình sự Công an thành phố H N bắt Lường Văn N theo Quyết định truy nã.

Đối với Bùi Văn D, Đặng Mạnh H, Nguyễn Văn T, Ngô Minh Ch, Đỗ Văn H bị Tòa án nhân dân huyện D A (nay là thị xã D A), tỉnh Bình Dương xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo các Bản án hình sự số 139/2006/HSST ngày 30/10/2006, Bản án hình sự số 192/2006/HSST ngày 18/12/2006 và Bản án hình sự số 260/2009/HSST ngày 21/9/2009.

Đối với tên Th, hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 (một) xe mô tô (chưa rõ biển số) do Lường Văn N sử dụng vào việc phạm tội, hiện không thu hồi được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lường Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lường Văn N từ 07 đến 12 tháng tù.

\* Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp 2.590.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

\* Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2006/HSST ngày 30/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương nên không đề nghị giải quyết.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng tháng 9/2005, tại Công ty TNHH P K S G II; địa chỉ số 2A, đường số T, khu công nghiệp S Th 1, huyện D A (nay là thị xã D A), tỉnh Bình Dương, Lường Văn N cùng đồng phạm đã lén lút chiếm đoạt 06 thùng đầu kéo dây khóa có giá trị 459,6 USA, quy đổi thành tiền Việt Nam là 7.300.286,4 đồng và chiếm đoạt 04

thùng carton bên trong có đầu kéo dây khóa có giá trị 416 USD, quy đổi thành tiền Việt Nam là 6.607.744 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 13.908.030,4 đồng (Theo biên bản Kết luận định giá số 131/BB.ĐG ngày 28/02/2006 của Hội đồng định giá huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương).

*Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

*d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;*

*đ) Tài sản là di vật, cổ vật...”*

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Lương Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự và người làm chứng trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, Cáo trạng số 111/CT - VKS ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Lương Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo cùng các đồng phạm lợi dụng sự sơ hở về quản lý hàng hóa của nguyên đơn dân sự đã chiếm đoạt tài sản có giá trị 13.908.030,4 đồng là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các nguyên đơn dân sự được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là gián đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo N tham gia với vai trò là người thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha là ông Lương Công B là thương binh 2/4. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi cha mẹ già và các con nhỏ. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Thời điểm bị cáo phạm tội (tháng 9/2005) là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật nhưng cứ vào vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật có lợi cho bị cáo thì khung hình phạt về tội Trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn khung hình phạt về tội Trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử áp các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9] Đối với tên Th, hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau và đối với 01 (một) xe mô tô (chưa rõ biển số) do Lương Văn N sử dụng vào việc phạm tội, hiện không thu hồi được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp 2.590.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2006/HSST ngày 30/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, mức hình phạt, về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/12/2018.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Lương Văn N nộp 2.590.000 (hai triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (03);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Công**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM**

### **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Tú Nhi và bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, cần thiết tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1.**

Tạm giam bị cáo Lường Văn Nam, sinh năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn Thuần Nhất, xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Bị Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 (tháng) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/4/2019)

#### **Điều 2.**

Nhà tạm giữ Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Dĩ An;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Dĩ An;
- Bị cáo Lường Văn Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Ngọc Công**